

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HS-PT
Ngày: 05-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Duy L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Phạm Duy L**, sinh năm 2002 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: lớp 11/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung P và bà Đặng Thị E; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại có liên quan đến kháng cáo:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; có mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Minh K nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/5/2022, Nguyễn Minh K cùng Phạm Duy L đến nhà ông Nguyễn Văn V để yêu cầu ông V trả tiền đã vay cho mẹ K, khi đến nhà ông V thì K và L có những lời lẽ lớn tiếng để yêu cầu ông V trả tiền, ông V hứa 10 ngày sau sẽ trả nên cả

hai ra về. Chiều cùng ngày, Nguyễn Hoàng T là con của ông V đi làm về nghe kể lại sự việc nên điều khiển xe mô tô mang theo cây mũi chĩa dùng để chĩa dũa khô đi đến nhà tìm K để nói chuyện nhưng không gặp.

Biết được sự việc nên khoảng 14 giờ ngày 26/5/2022, trong lúc L đang ở nhà K chơi, K rủ L đi tìm T để chém trả thù thì được L đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - 375.95 (của bà Đặng Thị E là mẹ ruột L) chở K đến ngôi nhà hoang gần nhà K để lấy 02 con dao tự chế do K mua và cất giấu trước đó, rồi cả hai đến nhà T nhưng T không có ở nhà nên tiếp tục đi đến nơi Thật làm thuê là trại gà ông Nguyễn Văn V1 thuộc ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tại đây, K và L thấy T đang nằm ngủ trên võng nên cả hai xuống xe. Lúc này, K đưa cho L 01 con dao rồi cùng nhau xông vào chém Thật. L chém một cái nhưng không trúng T mà trúng vào võng rồi cầm dao đi ra xe mô tô đợi K; K chém một cái trúng vào chân trái Thật gây thương tích, chém xong K lên xe để L chở về nhà hoang cất giấu 02 con dao. Đến ngày 28/5/2022, K và L bị Công an xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre mời làm việc đối với hành vi nêu trên.

* Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- Nguyễn Minh K giao nộp:

+ 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại dài 72cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, có một bề sắc bén, mũi dao bầu nhọn, lưỡi dao dài 49cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 3,5cm, cán dao hình tròn được quấn bằng dây vải màu đen, chiều dài cán dao 23cm, giữa lưỡi dao và cán dao có một khoen tròn bằng kim loại có hình hoa văn;

+ 01(một) con dao tự chế bằng kim loại dài 67cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng sáng, có một bề sắc bén, mũi dao bầu nhọn, lưỡi dao dài 51cm, nơi rộng nhất lưỡi dao 4,5cm, cán dao bằng gỗ màu nâu đỏ, chiều dài cán dao 16cm.

- Phạm Duy L giao nộp: 01 (một) xe mô tô biển số 71B3 - 357.95, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu đỏ.

- Nguyễn Hoàng T giao nộp: 01 (một) quần jean nam ngắn chân màu xanh đen dài 53cm, trên quần có chữ BUNBERRY, tại vị trí lai ống quần bên trái bị rách, vết rách dài 03cm dính nhiều vết màu nâu nghi máu.

- Nguyễn Văn V1 giao nộp: 01 (một) cái võng màu xanh bị rách hai bên viền võng, hai đầu có buộc dây dù màu xanh, tại vị trí rách có dính chất màu nâu nghi máu.

* Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 000450/2022/CN ngày 05/7/2022 của Bệnh viện N - tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích của Nguyễn Hoàng T lúc vào viện 15 giờ 35 phút ngày 26/5/2022 như sau: Vết thương mặt trước trong gối (T) 10 x 03cm sắc gọn đứt cơ rộng trong, sâu tới xương đùi; Xquang: Chưa thấy tổn thương xương.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 195-722/TgT ngày 14/7/2022 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của anh Nguyễn Hoàng T như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương mặt trước trong gối trái 10cm x 03cm sắc gọn, đứt cơ rộng trong, sâu tới xương đùi.

+ Phẫu thuật: Cắt lọc khâu phục hồi vết thương.

+ Hiện: Vết thương lành sẹo kích thước 10,5cm x 0,5cm. Khớp gối sưng phù nề, vận động khớp gối còn hạn chế.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định là 06% (sáu phần trăm).

Các bị cáo đồng ý với Bản kết luận giám định, bị hại không đồng ý và có đơn yêu cầu giám định lại.

* Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 4521/C09B ngày 18/8/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Nguyễn Hoàng T:

- Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Hoàng T: Sẹo vùng mặt trước trong gối trái, yếu chân mức độ ít: 06% (C, Mục II.9).

- Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của anh Nguyễn Hoàng T là 06% (sáu phần trăm).

Các bị cáo, bị hại đồng ý với kết luận giám định.

* Tại Biên bản giám định y khoa số: 121/GĐYK-KNLĐ ngày 14/12/2022 của Hội đồng giám định y khoa - Sở Y tế tỉnh B kết luận: Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của Nguyễn Hoàng T là: 11% (mười một phần trăm).

Ngày 26/9/2022, anh Nguyễn Hoàng T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy L phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy L 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, trách nhiệm hình sự của bị cáo

Nguyễn Minh K, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2023 bị cáo Phạm Duy L kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Duy L khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

- Bị hại Nguyễn Hoàng T khai nhận đã bị các bị cáo Nguyễn Minh K và Phạm Duy L dùng dao chém gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho anh là 06%. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm anh có “Đơn xin bãi nại” đề ngày 28/6/2023 yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo L. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh rút lại “Đơn xin bãi nại” đề ngày 28/6/2023 và có yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo là đúng quy định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Duy L phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị hại có “Đơn xin bãi nại” đề ngày 28/6/2023 yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo L, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị hại rút lại “Đơn xin bãi nại” nêu trên và có yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo. Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo: xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 tháng tù là phù hợp, kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy L 04 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo, bị hại không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ ngày 26/5/2022, Nguyễn Minh K rủ Phạm Duy L đi tìm anh Nguyễn Hoàng T chém để trả thù thì được L đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - 375.95 chở K mang theo 02 con dao tự chế đến nơi anh T làm thuê tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre và cùng nhau xông vào chém anh T trong lúc anh T đang nằm ngủ trên võng. Hậu quả: K chém trúng anh T 01 cái ở chân trái gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho anh T là 06%.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng bị cáo đã cùng với bị cáo K dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 06%; bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bị hại có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Duy L phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong lúc bị hại đang ngủ say không thể tự vệ được nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được*” theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *đã bồi thường thiệt hại cho bị hại* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *phạm tội lần đầu và thuộc*

trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *bị cáo có ông nội ông Phạm Ngọc C là người có công với đất nước* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 04 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị hại có đơn xin bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo nhưng đến tại phiên tòa phúc thẩm thì bị hại rút lại đơn xin bãi nại và có yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên, xét thấy giữa bị cáo với bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau, chỉ vì bệnh vực bị cáo K mà bị cáo đã dùng xe mô tô chở bị cáo K đi tìm bị hại, sử dụng dao tự chế sắc bén là hung khí nguy hiểm chém bị hại gây tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích cho bị hại là 06%; bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, có tính chất côn đồ, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 04 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Do bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng

hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Duy L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 13/2023/HS-ST ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy L 04 (bốn) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phạm Duy L phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Đ, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông